

Số: **4773** /QĐ – UBND

Hà Nội, ngày **23** tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị hủy bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ – CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3511/QĐ – UBND ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ – CP trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị hủy bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

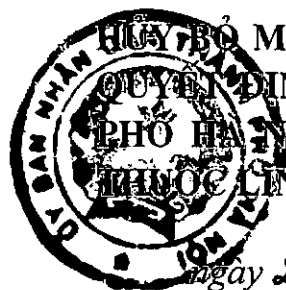
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- CVP/PVP UBND TP;
- KSTTHC, TNMT, TH, HCTH;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHC (2b)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Thảo

PHỤ LỤC



**HỦY BỎ MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH TẠI
QUYẾT ĐỊNH SỐ 1857/QĐ-UBND NGÀY 22/4/2011 CỦA UBND THÀNH
PHỐ HÀ NỘI VÀ CÔNG BỐ MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI
THUỘC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~4773~~ 4773/QĐ-UBND

ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

Phần I. Danh mục hủy bỏ 09 thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND Thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường về lĩnh vực môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		
1	Cấp mới Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã TTHC: T-HNO-148584-TT	Sở Tài nguyên và môi trường
2	Điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã TTHC: T-HNO-148565-TT	Sở Tài nguyên và môi trường
3	Cấp mới Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại Mã TTHC: T-HNO-148633-TT	Sở Tài nguyên và môi trường
4	Gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại Mã TTHC: T-HNO-148609-TT	Sở Tài nguyên và môi trường
5	Cấp mới Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại Mã TTHC: T-HNO-148663-TT	Sở Tài nguyên và môi trường
6	Gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại	Sở Tài nguyên và môi trường

	Mã TTHC: T-HNO-148649-TT	
7	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Mã TTHC: T-HNO-148559-TT	Sở Tài nguyên và môi trường
8	Xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Mã TTHC: T-HNO-148529-TT	Sở Tài nguyên và môi trường
9	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung Mã TTHC: T-HNO-148553-TT	Sở Tài nguyên và môi trường

Phần II. Danh mục công bố mới 09 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã về lĩnh vực môi trường .

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		
1	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Mã TTHC: chưa có	Sở Tài nguyên và môi trường
2	Cấp Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; Mã TTHC: chưa có	Sở Tài nguyên và môi trường
3	Cấp gia hạn Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; Mã TTHC: chưa có	Sở Tài nguyên và môi trường
4	Cấp điều chỉnh Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; Mã TTHC: chưa có	Sở Tài nguyên và môi trường
5	Xác nhận gia hạn Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT; Mã TTHC: chưa có	Sở Tài nguyên và môi trường
6	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động	Sở Tài nguyên và môi trường

	môi trường; Mã TTHC: chưa có	
7	Kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Mã TTHC: chưa có	Sở Tài nguyên và môi trường
8	Thủ tục Tham vấn ý kiến cộng đồng trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Mã TTHC: chưa có	UBND xã, phường, thị trấn
9	Thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường. Mã TTHC: chưa có	Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phần III. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực môi trường

Lĩnh vực: môi trường

1. Thủ tục Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn.
- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

- Chuyển qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

c. Hồ sơ:

1. Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) theo mẫu quy định tại Phụ lục 1A trong Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bản chính);
2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập cơ sở, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
3. Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết BVMT hay Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Quyết định phê duyệt hoặc Giấy xác nhận Đề án BVMT hoặc bất kỳ giấy tờ về môi trường nào khác của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
4. Bản sao kết quả phân tích để chứng minh các chất thải thuộc loại * phát sinh tại cơ sở (trừ các mã từ 19 12 01 đến 19 12 04) không vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT để đăng

ký là các chất thải thông thường tại Điểm 3.2 của Đơn (nếu không tiến hành lấy mẫu phân tích thì phải đăng ký là CTNH);

5. Bản sao báo cáo ĐTM và Giấy xác nhận về việc thực hiện báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt, Bản cam kết BVMT hay Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án BVMT và tất cả các hồ sơ, giấy tờ pháp lý về môi trường liên quan đến việc đầu tư các công trình bảo vệ môi trường phục vụ việc tự xử lý CTNH (chỉ áp dụng đối với trường hợp có công trình tự xử lý CTNH);

(Lưu ý: Bản sao giấy tờ có dấu trong hồ sơ, kế hoạch và báo cáo lập theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường không yêu cầu chứng thực theo quy định của pháp luật nhưng phải được tổ chức, cá nhân đóng dấu giáp lai hoặc dấu treo vào từng trang bản sao để tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của bản sao trước khi nộp cơ quan có thẩm quyền).

* Thành phần hồ sơ đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, bao gồm: Danh mục hồ sơ từ 1 – 5 giống hồ sơ cấp lần đầu đăng ký chủ nguồn thải CTNH và Bản giải trình các điểm sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 02 (bộ), được đóng quyển.

d. Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp cơ sở không có công trình bảo vệ môi trường để tự xử lý CTNH phát sinh nội bộ: 30 ngày.

+ Trường hợp cơ sở có công trình bảo vệ môi trường để tự xử lý CTNH phát sinh nội bộ: 50 ngày.

* Lưu ý: Thời hạn giải quyết bao gồm thời gian xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần thiết), không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Bản gốc Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại kèm theo bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận.

h. Lệ phí:

Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo mẫu quy định tại Phụ lục 1A trong Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Không

I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;
- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại;
- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

PHỤ LỤC 1
MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(Kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Mẫu Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(cấp lần đầu/ cấp lại)

Kính gửi:(2).....

1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:

1.1. Tên:

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Tài khoản số: tại:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy đăng ký kinh doanh số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Loại hình (ngành nghề) hoạt động#:

Điện thoại Fax: E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số: ngày cấp: nơi cấp:

2. Dữ liệu về sản xuất:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hoá chất:

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình (kg/năm)

2.2. Danh sách sản phẩm:

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)

3. Dữ liệu về chất thải:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

3.2. Danh sách chất thải thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
		(rắn/lỏng/bùn)	
	Tổng số lượng		

3.3. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
		(rắn/lỏng/bùn)			
	Tổng số lượng				

4. Danh sách CTNH đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở (nếu có):

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(tương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

5. Mục lục Bộ hồ sơ đăng ký:

-
-
-

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Sở cấp (hoặc cấp lại) Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

.....(3).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên chủ nguồn thải CTNH;
- (2) CQQLCNT nơi đăng ký chủ nguồn thải CTNH;
- (3) Người có thẩm quyền ký của chủ nguồn thải CTNH.

* Loại hình (ngành nghề) hoạt động được phân loại như sau:

- Chế biến thực phẩm
- Cơ khí
- Dầu khí
- Dược
- Điện
- Điện tử
- Hoá chất
- Khoáng sản
- Luyện kim
- Nông nghiệp
- Quản lý, xử lý nước, nước thải, chất thải
- Sản xuất hàng tiêu dùng
- Sản xuất vật liệu cơ bản (cao su, nhựa, thủy tinh...)
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Xây dựng (bao gồm cả phá dỡ công trình)
- Y tế và thú y
- Ngành/hoạt động khác (ghi chú rõ)

2. Thủ tục Cấp Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn.
- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

- Chuyển qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

c. Hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bước 1:

1. Đơn đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại theo mẫu quy định tại phụ lục 2A Thông tư 12/2011/TT-BTNMT (Bản chính);

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương (đối với cơ sở xử lý và các đại lý vận chuyển CTNH);

3. Bản sao báo cáo ĐTM được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý CTNH hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế như sau:

+ Văn bản hợp lệ về môi trường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Đề án BVMT được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động;

+ Đối với cơ sở sản xuất đã đưa vào hoạt động có nhu cầu bổ sung hoạt động đồng xử lý CTNH mà không thay đổi quy mô, công suất hoặc công nghệ thì phải có văn bản chấp thuận phương án đồng xử lý CTNH của cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt hoặc xác nhận Báo cáo ĐTM, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (trước đây) hoặc Đề án BVMT đối với dự án đầu tư cơ sở sản xuất này.

4. Bản sao văn bản quy hoạch đã được phê duyệt hoặc văn bản của UBND cấp tỉnh chấp thuận về địa điểm cho hoạt động xử lý CTNH đối với cơ sở xử lý CTNH trong trường hợp chưa có quy hoạch.

5. Bản mô tả các cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH đã đầu tư

5.1. Vị trí và quy mô

5.1.1. Vị trí (địa chỉ; các hướng tiếp giáp; khoảng cách đến khu dân cư và doanh nghiệp sản xuất gần nhất; đặc điểm khu vực...)

5.1.2. Quy mô (tổng diện tích; kích thước; đặc điểm khu đất...)

5.2. Điều kiện địa chất - thủy văn khu vực xung quanh

5.3. Mô tả các hạng mục công trình

(Lưu ý các hạng mục được mô tả phải thống nhất về tên, ký hiệu và số thứ tự so với sơ đồ phân khu chức năng. Các hạng mục công trình cần được mô tả riêng biệt với các thông tin về: Chức năng; diện tích/quy mô; thiết kế kiến trúc/cấu trúc; các đặc điểm khác...)

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển thì trình bày lần lượt từng cơ sở hoặc đại lý theo cấu trúc tương tự như trên)

Phụ lục: Sơ đồ phân khu chức năng (hay còn gọi là sơ đồ tổng mặt bằng) trong cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH; các bản vẽ, hình ảnh về cơ sở và đại lý; văn bản uỷ quyền đại lý hoặc hợp đồng đại lý vận chuyển

(Văn bản uỷ quyền đại lý hoặc hợp đồng đại lý vận chuyển gồm các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của đại lý vận chuyển và chủ hành nghề QLCTNH (hoặc tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề); hình thức đại lý; số lượng, tên và mã CTNH; cách thức giao nhận; giá, thù lao đại lý; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và tại Thông tư này; quy định rõ về trách nhiệm của các bên; chế độ kiểm tra, giám sát và liên đới chịu trách nhiệm về các vi phạm)

6. Hồ sơ kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đã đầu tư cho việc vận chuyển, xử lý và lưu giữ tạm thời CTNH

Bảng giới thiệu tóm tắt các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đã đầu tư cho việc QLCTNH:

TT	Tên phương tiện, thiết bị chuyên dụng	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
				(thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển nào)

6.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị chuyên dụng)

6.1.1. Chức năng (nêu thêm là thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển)

6.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

6.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất các loại CTNH có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

6.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo-phòng ngừa ...)

6.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

7.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

Phụ lục: Các ảnh chụp, bản vẽ, giấy tờ, hợp đồng (bản giao phương tiện không chính chủ) kèm theo các phương tiện, thiết bị chuyên dụng (sắp xếp thành từng bộ đối với mỗi phương tiện, thiết bị)

(Hợp đồng bàn giao phương tiện không chính chủ gồm các nội dung chính sau: Thông tin của hai bên ký kết; số đăng ký và các thông tin khác của phương tiện; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và tại Thông tư này;

trách nhiệm của đối tượng đăng ký đối với toàn bộ hoạt động và nhân sự của phương tiện vận chuyển liên quan đến quá trình vận chuyển CTNH; quy định rõ về trách nhiệm của các bên; chế độ kiểm tra, giám sát và liên đới chịu trách nhiệm về các vi phạm)

8. Hồ sơ kỹ thuật của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đầu tư

Bảng giới thiệu tóm tắt các công trình và biện pháp:

TT	Tên công trình, biện pháp	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
				(thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển nào)

8.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên công trình/biện pháp)

8.1.1. Chức năng (nêu thêm là thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển)

8.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

8.1.3. Thiết kế, cấu tạo và quy trình công nghệ

8.1.4 Thiết bị phụ trợ (nếu có)

8.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

8.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

Phụ lục 4: Bản sao hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hoàn công các công trình bảo vệ môi trường; các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận, giám định, văn bản có liên quan (trường hợp CQCP là Tổng cục Môi trường để kết hợp với việc kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện nội dung báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt; nếu dày quá thì có thể đóng quyển riêng); giấy tờ, ảnh chụp có liên quan

9. Hồ sơ nhân lực

9.1. Giới thiệu chung về nhân lực của cơ sở

9.2. Bảng lý lịch trích ngang của các cán bộ, công nhân viên (nêu toàn bộ những người tham gia hoặc có liên quan đến công tác chuyên môn về quản lý CTNH và bảo vệ môi trường)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm	Chức vụ	Nhiệm vụ

Phụ lục 5: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm của những cán bộ, công nhân viên có yêu cầu bắt buộc về trình độ nêu tại Điều 12 Thông tư này.

10. Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng

10.1. Quy trình vận hành an toàn của (tên phương tiện/thiết bị chuyên dụng)

10.1.1. Mục tiêu

10.1.2. Phạm vi áp dụng

10.1.3. Nội dung thực hiện

- Chuẩn bị vận hành
- Xác định nguy cơ/rủi ro
- Trang bị bảo hộ lao động
- Dụng cụ, thiết bị cần thiết
- Quy trình, thao tác vận hành chuẩn
- Kết thúc vận hành

10.1.4. Quy trình và tần suất bảo trì

10.2. Quy trình vận hành an toàn của...

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành an toàn của các phương tiện/thiết bị chuyên dụng (phải ghi chú vị trí đặt bản)

11. Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (tại cơ sở xử lý và các đại lý vận chuyển CTNH)

11.1. Chương trình quản lý môi trường

11.1.1. Mục tiêu

11.1.2. Tổ chức nhân sự

11.1.3. Kế hoạch quản lý (kế hoạch thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường theo báo cáo ĐTM hoặc các hồ sơ, giấy tờ tương đương)

11.2. Quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường (trình bày cho từng công trình đã lập hồ sơ kỹ thuật tại Mục 4 theo cấu trúc tương tự như hồ sơ tại Mục 6 Phụ lục này).

11.3. Kế hoạch vệ sinh các phương tiện, thiết bị và công trình

11.4. Kinh phí hàng năm

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường (phải ghi chú vị trí đặt bản)

12. Chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH

12.1. Chương trình giám sát môi trường

12.1.1. Giám sát môi trường lao động trong các nhà xưởng (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có hoạt động trung chuyển, lưu giữ tạm thời, sơ chế)

12.1.2. Giám sát môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có hoạt động trung chuyển, lưu giữ tạm thời, sơ chế)

12.1.3. Giám sát chất lượng nước mặt, nước ngầm (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có phát sinh và xử lý nước thải)

12.1.4. Giám sát nước thải (đầu vào và đầu ra) (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có phát sinh và xử lý nước thải)

12.1.5. Giám sát khí thải (không áp dụng đối với đại lý vận chuyển CTNH)

12.1.6. Giám sát khác

12.2. Giám sát vận hành xử lý CTNH (ví dụ: Nhiệt độ, lượng ôxi, tốc độ nạp CTNH, tốc độ xử lý...)

12.3. Đánh giá hiệu quả xử lý CTNH (ví dụ: Các thành phần nguy hại, tính chất nguy hại của sản phẩm tái chế, tận thu và chất thải sau xử lý so với QCVN 07:2009/BTNMT và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan)

(Từng hợp phần của chương trình giám sát nêu trên phải trình bày đầy đủ các thông tin sau: Vị trí giám sát; thông số giám sát; tần suất giám sát; quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh; mô tả quy trình thực hiện)

12.4. Hệ thống quan trắc môi trường tự động (nếu có)

Phụ lục 8: Bảng tóm tắt chương trình giám sát; sơ đồ lấy mẫu...

13. Kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên

13.1. Trang bị bảo hộ cá nhân và các biện pháp bảo vệ sức khỏe người lao động

13.1.1. Trang bị bảo hộ lao động

TT	Trang bị	Xuất xứ	Số lượng	Tính năng/trường hợp, điều kiện sử dụng

13.1.2. Các biện pháp bảo vệ sức khỏe khác

13.2. Các thủ tục, biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình lao động

13.3. Chăm sóc sức khỏe (kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hàng năm; việc tổ chức uống sữa tẩy độc thường xuyên; chính sách về bảo hiểm, y tế, chế độ đối với bệnh nghề nghiệp/tai nạn lao động; kết quả khám sức khỏe định kỳ mới nhất của cán bộ công nhân viên)

13.4. Các vấn đề liên quan khác...

Phụ lục 9: Bản nội quy an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; bản chỉ dẫn sử dụng trang bị bảo hộ lao động (phải ghi chú vị trí đặt bản)

14. Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

(Lưu ý cần phân biệt sự cố ở các khâu khác nhau như trên đường vận chuyển, tại đại lý vận chuyển và cơ sở xử lý CTNH)

14.1. Mục tiêu

14.2. Ưu tiên trong trường hợp xảy ra sự cố (xác định các ưu tiên hàng đầu trong mọi tình huống khẩn cấp, liệt kê theo thứ tự ưu tiên)

14.3. Phân tích các kịch bản sự cố có thể xảy ra

TT	Sự cố	Ở khâu	Nguyên nhân	Tác động có thể

14.4. Biện pháp, quy trình phòng ngừa và chuẩn bị cho việc ứng phó sự cố

14.4.1. Biện pháp, quy trình về quản lý

14.4.2. Biện pháp kỹ thuật và trang thiết bị

TT	Loại trang thiết bị/biện pháp	Số lượng	Đặc điểm, chức năng	Vị trí

14.5. Quy trình ứng phó khẩn cấp

14.5.1. Đối với sự cố cháy, nổ

a) Phạm vi áp dụng

b) Nội dung quy trình các bước ứng phó

c) Thủ tục thông báo và yêu cầu trợ giúp khi có sự cố (nêu rõ địa chỉ, số điện thoại, trình tự thông báo cho các bên liên quan như ban quản lý cơ sở, các cơ quan chức năng về môi trường, công an, phòng cháy chữa cháy, y tế...; nêu rõ phương án, địa điểm cấp cứu người)

14.5.2. Đối với sự cố rò rỉ, đổ tràn

14.5.3. Đối với tai nạn lao động

14.5.4. Đối với tai nạn giao thông

14.5.5. Đối với (các sự cố khác...)

14.6. Tình huống và kế hoạch sơ tán người tại cơ sở và khu vực phụ cận (trong những tình huống nào thì phải sơ tán và tổ chức sơ tán như thế nào)

14.7. Biện pháp xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường sau khi kết thúc sự cố (đối với ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường đất; môi trường không khí; quản lý chất thải phát sinh do sự cố)

14.8. Kinh phí dự phòng và bảo hiểm

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) của các quy trình ứng phó sự cố; bản sơ đồ thoát hiểm trong cơ sở (phải ghi chú rõ vị trí đặt bản)

15. Kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm cho cán bộ, công nhân viên

15.1. Mô tả các nội dung đào tạo, tập huấn

15.1.1. Các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý CTNH

15.1.2. Vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng

15.1.3. Kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (cần đề cập cả nội dung quản lý CTNH như nhận biết, phân loại, lưu giữ, xử lý...)

15.1.4. An toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

15.1.5. Phòng ngừa và ứng phó sự cố

15.1.6. Các nội dung khác...

15.2. Các đối tượng (cán bộ, công nhân viên) cần được đào tạo

15.3. Tổ chức thực hiện

TT	(Nhóm) đối tượng	Nội dung đào tạo	Đơn vị/địa điểm tổ chức đào tạo	Thời gian-Tần suất thực hiện

15.4. Công tác đánh giá sau đào tạo, tập huấn (cách thức, nội dung, tiêu chí đánh giá)

Phụ lục: Tài liệu đào tạo (nếu tự tổ chức; lưu ý phần tài liệu đào tạo là các kế hoạch, quy trình, chương trình đã lập trong bộ hồ sơ đăng ký này thì không cần nêu lại mà chỉ cần ghi chú)

16. Kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động (toàn bộ hoặc một số đại lý vận chuyển CTNH)

16.1. Các kế hoạch (xử lý triệt để lượng CTNH còn tồn đọng; vệ sinh phương tiện, thiết bị và cơ sở; phá dỡ cơ sở hoặc chuyển đổi mục đích; các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình giám sát môi trường sau khi chấm dứt hoạt động, đặc biệt là nếu có bãi chôn lấp...)

16.2. Các thủ tục (thông báo cho các cơ quan chức năng, khách hàng và cộng đồng, nộp lại giấy phép...)

16.3. Kinh phí dự phòng

17. Báo cáo các vấn đề khác trong việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế tương đương (các nội dung khác nằm ngoài phạm vi hoạt động QLCTNH trong trường hợp báo cáo ĐTM cho dự án có thêm các hoạt động khác với QLCTNH; giải trình các điểm thay đổi so với báo cáo ĐTM).

- **Bước 2:** Vận hành thử nghiệm xử lý chất thải nguy hại:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề lập 02 (hai) bản kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (C) tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011;

- Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, tổ chức cá nhân đăng ký hành nghề lập 02 (hai) bản báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (Đ) tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011;

Trong trường hợp báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH có nội dung không đạt yêu cầu hoặc chưa hoàn thiện thì tổ chức, cá nhân phải điều chỉnh, hoàn thiện theo đúng nội dung yêu cầu của Chi cục Bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

- Khuyến khích in hồ sơ hai mặt cho tiết kiệm;

- Trường hợp Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT đăng ký chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT thì được lựa chọn lập lại hoàn toàn bộ hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH theo quy định tại Phụ lục này hoặc giữ nguyên các bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép cũ và chỉ lập

hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH với các nội dung có cập nhật, thay đổi cho phù hợp với quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT.

(Tất cả các bản sao giấy tờ có dấu trong hồ sơ, kế hoạch và báo cáo lập theo quy định nêu trên không yêu cầu chứng thực theo quy định của pháp luật nhưng phải được tổ chức, cá nhân đóng dấu giáp lai hoặc dấu treo vào từng trang bản sao để tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của bản sao trước khi nộp cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp không có dấu pháp nhân thì khi ký hợp đồng theo quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT phải có chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật).

* Số lượng hồ sơ: 02 (bộ), được đóng quyển

d. Thời hạn giải quyết:

- Xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu có (10 ngày);

- Đánh giá sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu tổ chức, cá nhân tiếp tục sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết (05 ngày);

- Đánh giá kết quả vận hành thử nghiệm thiết bị/hệ thống xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề xử lý chất thải nguy hại (35 ngày);

- Thẩm định điều kiện hành nghề và cấp Giấy phép (55 ngày).

* *Lưu ý:* thời hạn giải quyết không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm và thời gian kiểm tra cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

02 (hai) bản gốc Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại kèm theo 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được UBND Thành phố Hà Nội đóng dấu xác nhận.

h. Lệ phí:

Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Đơn đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại theo mẫu quy định tại phụ lục 2 A Thông tư 12/2011/TT-BTNMT

- Mẫu Bản kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (C) tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011;

- Mẫu Bản báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (Đ) tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;
- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại;
- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

PHỤ LỤC 2
MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ, GIẤY PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY
HẠI VÀ CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN
(Kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Mẫu Đơn đăng ký hành nghề QLCTNH

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
(cấp lần đầu/ cấp gia hạn/ cấp điều chỉnh)

Kính gửi:(2).....

1. Phần khai chung:

1.1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản số:

tại :

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số:

ngày cấp:

nơi cấp:

Giấy đăng ký kinh doanh số:

ngày cấp:

nơi cấp:

Mã số QLCTNH hiện có (trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép):

Giấy phép QLCTNH có giá trị đến ngày (trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở xử lý CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số:

ngày cấp:

nơi cấp:

1.3. Đại lý vận chuyển CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày từng đại lý):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số:

ngày cấp:

nơi cấp:

(Trường hợp điều chỉnh Giấy phép thì ghi rõ là cơ sở xử lý hoặc đại lý vận chuyển CTNH đã được cấp phép hay đăng ký bổ sung)

2. Địa bàn hoạt động đăng ký:

Vùng	Tỉnh
Ghi tên vùng theo bảng 2 Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này	Ghi tên từng tỉnh hoặc ghi "toàn bộ vùng" (lưu ý không ghi cấp địa bàn nhỏ hơn tỉnh)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung địa bàn hoạt động thì phân biệt rõ địa bàn hoạt động đã được cấp phép và địa bàn hoạt động đăng ký thay đổi, bổ sung)

3. Danh sách phương tiện, thiết bị chuyên dụng đăng ký:

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng (đơn vị đếm)	Loại hình
			(ví dụ: đóng gói, bảo quản, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tận thu, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp...)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị chuyên dụng thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

4. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý (tương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị chuyên dụng thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

4a. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển để tái sử dụng trực tiếp (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
	Tổng số lượng			

(Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các CTNH thì phân biệt rõ danh sách CTNH đã được cấp phép và danh sách CTNH đăng ký thay đổi, bổ sung)

5. Mục lục Bộ hồ sơ đăng ký:

-
-
-

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Cơ quan xem xét hồ sơ và cấp (hoặc cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh) Giấy phép, đồng thời kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện các nội dung của Báo cáo và yêu cầu của Quyết định số ... ngày ... / ... / của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án ... (trường hợp Tổng cục Môi trường là CQCP).

.....(3).....
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề;
- (2) CQCP tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;
- (3) Người có thẩm quyền ký của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề.

C. Mẫu kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý CTNH

1. Giới thiệu (thông tin về tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề)

2. Nội dung vận hành thử nghiệm

2.1. Tóm tắt kế hoạch thử nghiệm

2.1.1. Các phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý CTNH

Tên phương tiện, thiết bị	Tên (nhóm) CTNH thử nghiệm	Số lượng (kg)	Thời gian thử nghiệm	Đầu ra (cặn bã/sản phẩm)

(Không nhất thiết phải vận hành thử nghiệm tất cả các mã CTNH đăng ký mà có thể lựa chọn một số mã CTNH có tính đại diện của từng nhóm CTNH có cùng tính chất và phương án xử lý; cần vận hành thử ở các mức công suất khác nhau, đặc biệt là công suất lớn nhất để lựa chọn công suất phù hợp cho từng nhóm CTNH; có thể không vận hành các phương tiện, thiết bị sơ chế như nghiền...)

2.1.2. Các công trình bảo vệ môi trường

Tên công trình	Thời gian thử nghiệm	Tác động môi trường (khí thải, nước thải, tiếng ồn, chất thải rắn, bùn thải...)

2.2. Mô tả cụ thể quy trình vận hành thử nghiệm dự kiến

2.3. Các vấn đề liên quan (an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; phòng ngừa và ứng phó sự cố...)

3. Kế hoạch lấy mẫu giám sát

3.1. Tóm tắt kế hoạch:

Vị trí lấy mẫu	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát (và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh)							
		Khí thải	Không khí xung quanh	Môi trường lao động	Tiếng ồn	Nước thải trước xử lý	Nước thải sau xử lý	Sản phẩm đầu ra	Cặn bã (chất thải rắn, bùn)

3.2. Mô tả quy trình lấy mẫu giám sát dự kiến

3.3. Các vấn đề liên quan

4. Kế hoạch tạm thời thu gom, vận chuyển hoặc tiếp nhận CTNH cho vận hành thử nghiệm

(Nêu đầy đủ các thông tin về: Dự kiến về loại, số lượng và nguồn CTNH; phương án và phương tiện (loại, số đăng ký...) để tạm thời thu gom, vận chuyển hoặc tiếp nhận CTNH cho vận hành thử nghiệm)

5. Kết luận và kiến nghị

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Lưu ý: Trường hợp vận hành thử nghiệm đồng thời tại nhiều hơn một cơ sở xử lý CTNH thì phải phân biệt rõ đối với từng cơ sở.

Đ. Mẫu báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH

1. Giới thiệu

2. Báo cáo nội dung vận hành thử nghiệm

2.1. Tóm tắt kế hoạch

2.1.1. Các phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý CTNH

Tên phương tiện, thiết bị	Tên (nhóm) CTNH thử nghiệm	Số lượng (kg)	Thời gian thử nghiệm	Đầu ra (cặn bã/sản phẩm)

2.1.2. Các công trình bảo vệ môi trường

Tên công trình	Thời gian thử nghiệm	Tác động môi trường (khí thải, nước thải, tiếng ồn, chất thải rắn, bùn thải...)

2.2. Báo cáo cụ thể về quá trình và kết quả vận hành thử nghiệm

2.3. Các vấn đề liên quan (an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; phòng ngừa và ứng phó sự cố...)

3. Báo cáo kết quả lấy mẫu giám sát

3.1. Tóm tắt kế hoạch

Vị trí lấy mẫu	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát (và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh)							
		Khí thải	Không khí xung quanh	Môi trường lao động	Tiếng ồn	Nước thải trước xử lý	Nước thải sau xử lý	Sản phẩm đầu ra	Cặn bã (chất thải rắn, bùn)

3.2. Đánh giá kết quả (kèm theo bảng chi tiết kết quả phân tích từng chỉ tiêu so sánh với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành)

3.3. Các vấn đề liên quan

4. Báo cáo việc thu gom, vận chuyển và tiếp nhận CTNH cho vận hành thử nghiệm

5. Kết luận

5.1. Các điểm đạt

5.2. Các điểm chưa đạt và giải thích nguyên nhân

5.3. Các điểm thay đổi so với kế hoạch và lý do thay đổi

6. Cam kết và kiến nghị

6.1 Cam kết (cam kết các biện pháp để bảo đảm các điểm chưa đạt)

6.2. Kiến nghị

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Lưu ý: Báo cáo cần đóng quyển chung với (phía cuối) Bộ hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH trong trường hợp Bộ hồ sơ có sửa đổi, bổ sung và nộp lại đồng thời.

3. Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn.
- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

- Chuyển qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

c. Hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bước 1:

1. Đơn đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại theo mẫu quy định tại phụ lục 2 A Thông tư 12/2011/TT-BTNMT (Bản chính);

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương (đối với cơ sở xử lý và các đại lý vận chuyển CTNH)

3. Bản sao báo cáo ĐTM được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý CTNH hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế như sau:

+ Văn bản hợp lệ về môi trường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Đề án BVMT được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động;

+ Đối với cơ sở sản xuất đã đưa vào hoạt động có nhu cầu bổ sung hoạt động đồng xử lý CTNH mà không thay đổi quy mô, công suất hoặc công nghệ thì phải có văn bản chấp thuận phương án đồng xử lý CTNH của cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt hoặc xác nhận Báo cáo ĐTM, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (trước đây) hoặc Đề án BVMT đối với dự án đầu tư cơ sở sản xuất này.

4. Bản sao văn bản quy hoạch đã được phê duyệt hoặc văn bản của UBND cấp tỉnh chấp thuận về địa điểm cho hoạt động xử lý CTNH đối với cơ sở xử lý CTNH trong trường hợp chưa có quy hoạch

5. Bản mô tả các cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH đã đầu tư

5.1. Vị trí và quy mô

5.1.1. Vị trí (địa chỉ; các hướng tiếp giáp; khoảng cách đến khu dân cư và doanh nghiệp sản xuất gần nhất; đặc điểm khu vực...)

5.1.2. Quy mô (tổng diện tích; kích thước; đặc điểm khu đất...)

5.2. Điều kiện địa chất - thủy văn khu vực xung quanh

5.3. Mô tả các hạng mục công trình

(Lưu ý các hạng mục được mô tả phải thống nhất về tên, ký hiệu và số thứ tự so với sơ đồ phân khu chức năng. Các hạng mục công trình cần được mô tả riêng biệt với các thông tin về: Chức năng; diện tích/quy mô; thiết kế kiến trúc/cấu trúc; các đặc điểm khác...)

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển thì trình bày lần lượt từng cơ sở hoặc đại lý theo cấu trúc tương tự như trên)

Phụ lục: Sơ đồ phân khu chức năng (hay còn gọi là sơ đồ tổng mặt bằng) trong cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH; các bản vẽ, hình ảnh về cơ sở và đại lý; văn bản uỷ quyền đại lý hoặc hợp đồng đại lý vận chuyển.

(Văn bản uỷ quyền đại lý hoặc hợp đồng đại lý vận chuyển gồm các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của đại lý vận chuyển và chủ hành nghề QLCTNH (hoặc tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề); hình thức đại lý; số lượng, tên và mã CTNH; cách thức giao nhận; giá, thù lao đại lý; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và tại Thông tư này; quy định rõ về trách nhiệm của các bên; chế độ kiểm tra, giám sát và liên đới chịu trách nhiệm về các vi phạm)

6. Hồ sơ kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đã đầu tư cho việc vận chuyển, xử lý và lưu giữ tạm thời CTNH

Bảng giới thiệu tóm tắt các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đã đầu tư cho việc QLCTNH:

TT	Tên phương tiện, thiết bị chuyên dụng	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
				(thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển nào)

6.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị chuyên dụng)

6.1.1. Chức năng (nêu thêm là thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển)

6.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

6.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất các loại CTNH có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

6.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo-phòng ngừa ...)

6.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

7.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

Phụ lục: Các ảnh chụp, bản vẽ, giấy tờ, hợp đồng (bản giao phương tiện không chính chủ) kèm theo các phương tiện, thiết bị chuyên dụng (sắp xếp thành từng bộ đối với mỗi phương tiện, thiết bị)

(Hợp đồng bàn giao phương tiện không chính chủ gồm các nội dung chính sau: Thông tin của hai bên ký kết; số đăng ký và các thông tin khác của phương tiện; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và tại Thông tư này; trách

nhiệm của đối tượng đăng ký đối với toàn bộ hoạt động và nhân sự của phương tiện vận chuyển liên quan đến quá trình vận chuyển CTNH; quy định rõ về trách nhiệm của các bên; chế độ kiểm tra, giám sát và liên đới chịu trách nhiệm về các vi phạm)

8. Hồ sơ kỹ thuật của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đầu tư

Bảng giới thiệu tóm tắt các công trình và biện pháp:

TT	Tên công trình, biện pháp	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
				(thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển nào)

8.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên công trình/biện pháp)

8.1.1. Chức năng (nêu thêm là thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển)

8.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

8.1.3. Thiết kế, cấu tạo và quy trình công nghệ

8.1.4. Thiết bị phụ trợ (nếu có)

8.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

8.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

Phụ lục 4: Bản sao hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hoàn công các công trình bảo vệ môi trường; các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận, giám định, văn bản có liên quan (trường hợp CQCP là Tổng cục Môi trường đề kết hợp với việc kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện nội dung báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt; nếu dày quá thì có thể đóng quyển riêng); giấy tờ, ảnh chụp có liên quan

9. Hồ sơ nhân lực

9.1. Giới thiệu chung về nhân lực của cơ sở

9.2. Bảng lý lịch trích ngang của các cán bộ, công nhân viên (nêu toàn bộ những người tham gia hoặc có liên quan đến công tác chuyên môn về quản lý CTNH và bảo vệ môi trường)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm	Chức vụ	Nhiệm vụ

Phụ lục 5: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm của những cán bộ, công nhân viên có yêu cầu bắt buộc về trình độ nêu tại Điều 12 Thông tư này

10. Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng

10.1. Quy trình vận hành an toàn của (tên phương tiện/thiết bị chuyên dụng)

10.1.1. Mục tiêu

10.1.2. Phạm vi áp dụng

10.1.3. Nội dung thực hiện

- Chuẩn bị vận hành
- Xác định nguy cơ/rủi ro
- Trang bị bảo hộ lao động
- Dụng cụ, thiết bị cần thiết
- Quy trình, thao tác vận hành chuẩn
- Kết thúc vận hành

10.1.4. Quy trình và tần suất bảo trì

10.2. Quy trình vận hành an toàn của...

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành an toàn của các phương tiện/thiết bị chuyên dụng (phải ghi chú vị trí đặt bản)

11. Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (tại cơ sở xử lý và các đại lý vận chuyển CTNH)

11.1. Chương trình quản lý môi trường

11.1.1. Mục tiêu

11.1.2. Tổ chức nhân sự

11.1.3. Kế hoạch quản lý (kế hoạch thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường theo báo cáo ĐTM hoặc các hồ sơ, giấy tờ tương đương)

11.2. Quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường (trình bày cho từng công trình đã lập hồ sơ kỹ thuật tại Mục 4 theo cấu trúc tương tự như hồ sơ tại Mục 6 Phụ lục này).

11.3. Kế hoạch vệ sinh các phương tiện, thiết bị và công trình

11.4. Kinh phí hàng năm

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường (phải ghi chú vị trí đặt bản)

12. Chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH

12.1. Chương trình giám sát môi trường

12.1.1. Giám sát môi trường lao động trong các nhà xưởng (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có hoạt động trung chuyển, lưu giữ tạm thời, sơ chế)

12.1.2. Giám sát môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có hoạt động trung chuyển, lưu giữ tạm thời, sơ chế)

12.1.3. Giám sát chất lượng nước mặt, nước ngầm (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có phát sinh và xử lý nước thải)

12.1.4. Giám sát nước thải (đầu vào và đầu ra) (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có phát sinh và xử lý nước thải)

12.1.5. Giám sát khí thải (không áp dụng đối với đại lý vận chuyển CTNH)

12.1.6. Giám sát khác

12.2. Giám sát vận hành xử lý CTNH (ví dụ: Nhiệt độ, lượng ôxi, tốc độ nạp CTNH, tốc độ xử lý...)

12.3. Đánh giá hiệu quả xử lý CTNH (ví dụ: Các thành phần nguy hại, tính chất nguy hại của sản phẩm tái chế, tận thu và chất thải sau xử lý so với QCVN 07:2009/BTNMT và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan)

(Tùng hợp phần của chương trình giám sát nêu trên phải trình bày đầy đủ các thông tin sau: Vị trí giám sát; thông số giám sát; tần suất giám sát; quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh; mô tả quy trình thực hiện)

12.4. Hệ thống quan trắc môi trường tự động (nếu có)

Phụ lục 8: Bảng tóm tắt chương trình giám sát; sơ đồ lấy mẫu...

13. Kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên

13.1. Trang bị bảo hộ cá nhân và các biện pháp bảo vệ sức khỏe người lao động

13.1.1. Trang bị bảo hộ lao động

TT	Trang bị	Xuất xứ	Số lượng	Tính năng/trường hợp, điều kiện sử dụng

13.1.2. Các biện pháp bảo vệ sức khỏe khác

13.2. Các thủ tục, biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình lao động

13.3. Chăm sóc sức khỏe (kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hàng năm; việc tổ chức uống sữa tẩy độc thường xuyên; chính sách về bảo hiểm, y tế, chế độ đối với bệnh nghề nghiệp/tai nạn lao động; kết quả khám sức khỏe định kỳ mới nhất của cán bộ công nhân viên)

13.4. Các vấn đề liên quan khác...

Phụ lục 9: Bản nội quy an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; bản chỉ dẫn sử dụng trang bị bảo hộ lao động (phải ghi chú vị trí đặt bản)

14. Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

(Lưu ý cần phân biệt sự cố ở các khâu khác nhau như trên đường vận chuyển, tại đại lý vận chuyển và cơ sở xử lý CTNH)

14.1. Mục tiêu

14.2. Ưu tiên trong trường hợp xảy ra sự cố (xác định các ưu tiên hàng đầu trong mọi tình huống khẩn cấp, liệt kê theo thứ tự ưu tiên)

14.3. Phân tích các kịch bản sự cố có thể xảy ra

TT	Sự cố	Ở khâu	Nguyên nhân	Tác động có thể

14.4. Biện pháp, quy trình phòng ngừa và chuẩn bị cho việc ứng phó sự cố

14.4.1. Biện pháp, quy trình về quản lý

14.4.2. Biện pháp kỹ thuật và trang thiết bị

TT	Loại trang thiết bị/biện pháp	Số lượng	Đặc điểm, chức năng	Vị trí

14.5. Quy trình ứng phó khẩn cấp

14.5.1. Đối với sự cố cháy, nổ

a) Phạm vi áp dụng

b) Nội dung quy trình các bước ứng phó

c) Thủ tục thông báo và yêu cầu trợ giúp khi có sự cố (nêu rõ địa chỉ, số điện thoại, trình tự thông báo cho các bên liên quan như ban quản lý cơ sở, các cơ quan chức năng về môi trường, công an, phòng cháy chữa cháy, y tế...; nêu rõ phương án, địa điểm cấp cứu người)

14.5.2. Đối với sự cố rò rỉ, đổ tràn

14.5.3. Đối với tai nạn lao động

14.5.4. Đối với tai nạn giao thông

14.5.5. Đối với (các sự cố khác...)

14.6. Tình huống và kế hoạch sơ tán người tại cơ sở và khu vực phụ cận (trong những tình huống nào thì phải sơ tán và tổ chức sơ tán như thế nào)

14.7. Biện pháp xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường sau khi kết thúc sự cố (đối với ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường đất; môi trường không khí; quản lý chất thải phát sinh do sự cố)

14.8. Kinh phí dự phòng và bảo hiểm

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) của các quy trình ứng phó sự cố; bản sơ đồ thoát hiểm trong cơ sở (phải ghi chú rõ vị trí đặt bản)

15. Kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm cho cán bộ, công nhân viên

15.1. Mô tả các nội dung đào tạo, tập huấn

15.1.1. Các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý CTNH

15.1.2. Vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng

15.1.3. Kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (cần đề cập cả nội dung quản lý CTNH như nhận biết, phân loại, lưu giữ, xử lý...)

15.1.4. An toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

15.1.5. Phòng ngừa và ứng phó sự cố

15.1.6. Các nội dung khác...

15.2. Các đối tượng (cán bộ, công nhân viên) cần được đào tạo

15.3. Tổ chức thực hiện

TT	(Nhóm) đối tượng	Nội dung đào tạo	Đơn vị/địa điểm tổ chức đào tạo	Thời gian-Tần suất thực hiện

--	--	--	--	--

15.4. Công tác đánh giá sau đào tạo, tập huấn (cách thức, nội dung, tiêu chí đánh giá)

Phụ lục: Tài liệu đào tạo (nếu tự tổ chức; lưu ý phần tài liệu đào tạo là các kế hoạch, quy trình, chương trình đã lập trong bộ hồ sơ đăng ký này thì không cần nêu lại mà chỉ cần ghi chú)

16. Kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động (toàn bộ hoặc một số đại lý vận chuyển CTNH)

16.1. Các kế hoạch (xử lý triệt để lượng CTNH còn tồn đọng; vệ sinh phương tiện, thiết bị và cơ sở; phá dỡ cơ sở hoặc chuyển đổi mục đích; các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình giám sát môi trường sau khi chấm dứt hoạt động, đặc biệt là nếu có bãi chôn lấp...)

16.2. Các thủ tục (thông báo cho các cơ quan chức năng, khách hàng và cộng đồng, nộp lại giấy phép...)

16.3. Kinh phí dự phòng

17. Báo cáo các vấn đề khác trong việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế tương đương (các nội dung khác nằm ngoài phạm vi hoạt động QLCTNH trong trường hợp báo cáo ĐTM cho dự án có thêm các hoạt động khác với QLCTNH; giải trình các điểm thay đổi so với báo cáo ĐTM)

* Đối với các hồ sơ, giấy tờ nêu từ Mục 1 đến 17: Nếu có bất kỳ cập nhật, sửa đổi, bổ sung so với bộ hồ sơ đăng ký cấp lần đầu Giấy phép thì trình bày các nội dung cập nhật, sửa đổi, bổ sung; còn không có thì chỉ ghi tên hồ sơ, giấy tờ, không cần trình bày lại nội dung và ghi chú dưới tên hồ sơ như sau: *(Không có cập nhật, sửa đổi, bổ sung)*

Các hồ sơ, giấy tờ đặc trưng cho việc đăng ký cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh Giấy phép gồm có:

18. Bản tổng hợp giải trình các nội dung thay đổi, bổ sung (khi đăng ký cấp điều chỉnh hoặc cấp gia hạn Giấy phép)

19. Báo cáo việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã lập trong Bộ hồ sơ đăng ký (trong thời gian 01 năm trước thời điểm đăng ký cấp gia hạn hoặc điều chỉnh; trừ trường hợp đăng ký cấp điều chỉnh trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp lần đầu thì không phải báo cáo)

19.1. Thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường

19.2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH

19.3. Thực hiện kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khoẻ

19.4. Thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

19.5. Thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm

20. Bản sao tất cả các Biên bản thanh tra, kiểm tra các văn bản kết luận, xử lý vi phạm (nếu có) liên quan của các cơ quan có thẩm quyền (trong thời gian 03 năm trước thời điểm đăng ký cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh)

- **Bước 2:** Vận hành thử nghiệm xử lý chất thải nguy hại:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề lập 02 (hai) bản kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (C) tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011;

- Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, tổ chức cá nhân đăng ký hành nghề lập 02 (hai) bản báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (Đ) tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011;

Trong trường hợp báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH có nội dung không đạt yêu cầu hoặc chưa hoàn thiện thì tổ chức, cá nhân phải điều chỉnh, hoàn thiện theo đúng nội dung yêu cầu của Chi cục Bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

- Khuyến khích in hồ sơ hai mặt cho tiết kiệm;

- Đối với bộ hồ sơ đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn của CQCP khi xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ phải gửi kèm theo một bản giải trình cụ thể các điểm sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT đăng ký chuyển đổi sang Giấy phép hành nghề QLCTNH theo quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT thì được lựa chọn lập lại hoàn toàn bộ hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH theo quy định tại Phụ lục này hoặc giữ nguyên các bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép cũ và chỉ lập hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH với các nội dung có cập nhật, thay đổi cho phù hợp với quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT.

(Tất cả các bản sao giấy tờ có dấu trong hồ sơ, kế hoạch và báo cáo lập theo quy định nêu trên không yêu cầu chứng thực theo quy định của pháp luật nhưng phải được tổ chức, cá nhân đóng dấu giáp lai hoặc dấu treo vào từng trang bản sao để tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của bản sao trước khi nộp cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp không có dấu pháp nhân thì khi ký hợp đồng theo quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT phải có chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật).

* Số lượng hồ sơ: 02 (bộ), được đóng quyền

d. Thời hạn giải quyết:

- Xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu có (10 ngày);

- Đánh giá sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu tổ chức, cá nhân tiếp tục sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết (05 ngày);

- Đánh giá kết quả vận hành thử nghiệm thiết bị/hệ thống xử lý, tiêu huỷ chất thải nguy hại của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề xử lý chất thải nguy hại (35 ngày);

- Thẩm định điều kiện hành nghề và cấp Giấy phép (55 ngày).

* *Lưu ý:* thời hạn giải quyết không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm và thời gian kiểm tra cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

02 (hai) bản gốc Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại kèm theo 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được UBND Thành phố Hà Nội đóng dấu xác nhận.

h. Lệ phí:

Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Đơn đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại theo mẫu quy định tại phụ lục 2 A Thông tư 12/2011/TT-BTNMT
- Mẫu Bản kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (C) tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011;
- Mẫu Bản báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (Đ) tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;
- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại;
- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-

CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC 2
MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ, GIẤY PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY
HẠI VÀ CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN
(Kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Mẫu Đơn đăng ký hành nghề QLCTNH

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
(cấp điều chỉnh)

Kính gửi:(2).....

1. Phần khai chung:

1.1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Tài khoản số: tại :

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy đăng ký kinh doanh số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH hiện có (trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép):

Giấy phép QLCTNH có giá trị đến ngày (trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở xử lý CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số: ngày cấp: nơi cấp:

1.3. Đại lý vận chuyển CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày từng đại lý):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số: ngày cấp: nơi cấp:

(Trường hợp điều chỉnh Giấy phép thì ghi rõ là cơ sở xử lý hoặc đại lý vận chuyển CTNH đã được cấp phép hay đăng ký bổ sung)

2. Địa bàn hoạt động đăng ký:

Vùng	Tỉnh
Ghi tên vùng theo bảng 2 Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này	Ghi tên từng tỉnh hoặc ghi “toàn bộ vùng” (lưu ý không ghi cấp địa bàn nhỏ hơn tỉnh)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung địa bàn hoạt động thì phân biệt rõ địa bàn hoạt động đã được cấp phép và địa bàn hoạt động đăng ký thay đổi, bổ sung)

3. Danh sách phương tiện, thiết bị chuyên dụng đăng ký:

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng (đơn vị đếm)	Loại hình
			(ví dụ: đóng gói, bảo quản, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tận thu, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp...)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị chuyên dụng thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

4. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(trương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị chuyên dụng thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

4a. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển để tái sử dụng trực tiếp (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

(Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các CTNH thì phân biệt rõ danh sách CTNH đã được cấp phép và danh sách CTNH đăng ký thay đổi, bổ sung)

5. Mục lục Bộ hồ sơ đăng ký:

-
-
-

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Cơ quan xem xét hồ sơ và cấp (hoặc cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh) Giấy phép, đồng thời kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện các nội dung của Báo cáo và yêu cầu của Quyết định số ... ngày ... / ... / của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án ... (trường hợp Tổng cục Môi trường là CQCP).

.....(3).....
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề;
- (2) CQCP tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;
- (3) Người có thẩm quyền ký của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề.

C. Mẫu kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý CTNH

1. Giới thiệu (thông tin về tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề)

2. Nội dung vận hành thử nghiệm

2.1. Tóm tắt kế hoạch thử nghiệm

2.1.1. Các phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý CTNH

Tên phương tiện, thiết bị	Tên (nhóm) CTNH thử nghiệm	Số lượng (kg)	Thời gian thử nghiệm	Đầu ra (cặn bã/sản phẩm)

(Không nhất thiết phải vận hành thử nghiệm tất cả các mã CTNH đăng ký mà có thể lựa chọn một số mã CTNH có tính đại diện của từng nhóm CTNH có cùng tính chất và phương án xử lý; cần vận hành thử ở các mức công suất khác nhau, đặc biệt là công suất lớn nhất để lựa chọn công suất phù hợp cho từng nhóm CTNH; có thể không vận hành các phương tiện, thiết bị sơ chế như nghiền...)

2.1.2. Các công trình bảo vệ môi trường

Tên công trình	Thời gian thử nghiệm	Tác động môi trường (khí thải, nước thải, tiếng ồn, chất thải rắn, bùn thải...)

2.2. Mô tả cụ thể quy trình vận hành thử nghiệm dự kiến

2.3. Các vấn đề liên quan (an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; phòng ngừa và ứng phó sự cố...)

3. Kế hoạch lấy mẫu giám sát

3.1. Tóm tắt kế hoạch:

Vị trí lấy mẫu	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát (và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh)							
		Khí thải	Không khí xung quanh	Môi trường lao động	Tiếng ồn	Nước thải trước xử lý	Nước thải sau xử lý	Sản phẩm đầu ra	Cặn bã (chất thải rắn, bùn)

3.2. Mô tả quy trình lấy mẫu giám sát dự kiến

3.3. Các vấn đề liên quan

4. Kế hoạch tạm thời thu gom, vận chuyển hoặc tiếp nhận CTNH cho vận hành thử nghiệm

(Nêu đầy đủ các thông tin về: Dự kiến về loại, số lượng và nguồn CTNH; phương án và phương tiện (loại, số đăng ký...) để tạm thời thu gom, vận chuyển hoặc tiếp nhận CTNH cho vận hành thử nghiệm)

5. Kết luận và kiến nghị

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Lưu ý: Trường hợp vận hành thử nghiệm đồng thời tại nhiều hơn một cơ sở xử lý CTNH thì phải phân biệt rõ đối với từng cơ sở.

D. Mẫu báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý CTNH

1. Giới thiệu

2. Báo cáo nội dung vận hành thử nghiệm

2.1. Tóm tắt kế hoạch

2.1.1. Các phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý CTNH

Tên phương tiện, thiết bị	Tên (nhóm) CTNH thử nghiệm	Số lượng (kg)	Thời gian thử nghiệm	Đầu ra (cặn bã/sản phẩm)

2.1.2. Các công trình bảo vệ môi trường

Tên công trình	Thời gian thử nghiệm	Tác động môi trường (khí thải, nước thải, tiếng ồn, chất thải rắn, bùn thải...)

2.2. Báo cáo cụ thể về quá trình và kết quả vận hành thử nghiệm

2.3. Các vấn đề liên quan (an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; phòng ngừa và ứng phó sự cố...)

3. Báo cáo kết quả lấy mẫu giám sát

3.1. Tóm tắt kế hoạch

Vị trí lấy mẫu	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát (và số hiệu quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh)							
		Khí thải	Không khí xung quanh	Môi trường lao động	Tiếng ồn	Nước thải trước xử lý	Nước thải sau xử lý	Sản phẩm đầu ra	Cặn bã (chất thải rắn, bùn)

3.2. Đánh giá kết quả (kèm theo bảng chi tiết kết quả phân tích từng chỉ tiêu so sánh với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành)

3.3. Các vấn đề liên quan

4. Báo cáo việc thu gom, vận chuyển và tiếp nhận CTNH cho vận hành thử nghiệm

5. Kết luận

5.1. Các điểm đạt

5.2. Các điểm chưa đạt và giải thích nguyên nhân

5.3. Các điểm thay đổi so với kế hoạch và lý do thay đổi

6. Cam kết và kiến nghị

6.1 Cam kết (cam kết các biện pháp để bảo đảm các điểm chưa đạt)

6.2. Kiến nghị

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Lưu ý: Báo cáo cần đóng quyền chung với (phía cuối) Bộ hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH trong trường hợp Bộ hồ sơ có sửa đổi, bổ sung và nộp lại đồng thời.

4. Thủ tục Cấp Gia hạn Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn.
- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

- Chuyển qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

c. Hồ sơ:

1. Đơn đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại theo mẫu quy định tại phụ lục 2 A Thông tư 12/2011/TT-BTNMT (Bản chính);

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương (đối với cơ sở xử lý và các đại lý vận chuyển CTNH)

3. Bản sao báo cáo ĐTM được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đối với dự án đầu tư cơ sở xử lý CTNH hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế như sau:

+ Văn bản hợp lệ về môi trường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Đề án BVMT được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đối với cơ sở xử lý CTNH đã đưa vào hoạt động;

+ Đối với cơ sở sản xuất đã đưa vào hoạt động có nhu cầu bổ sung hoạt động đồng xử lý CTNH mà không thay đổi quy mô, công suất hoặc công nghệ thì phải có văn bản chấp thuận phương án đồng xử lý CTNH của cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt hoặc xác nhận Báo cáo ĐTM, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (trước đây) hoặc Đề án BVMT đối với dự án đầu tư cơ sở sản xuất này.

4. Bản sao văn bản quy hoạch đã được phê duyệt hoặc văn bản của UBND cấp tỉnh chấp thuận về địa điểm cho hoạt động xử lý CTNH đối với cơ sở xử lý CTNH trong trường hợp chưa có quy hoạch

5. Bản mô tả các cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH đã đầu tư

5.1. Vị trí và quy mô

5.1.1. Vị trí (địa chỉ; các hướng tiếp giáp; khoảng cách đến khu dân cư và doanh nghiệp sản xuất gần nhất; đặc điểm khu vực...)

5.1.2. Quy mô (tổng diện tích; kích thước; đặc điểm khu đất...)

5.2. Điều kiện địa chất - thủy văn khu vực xung quanh

5.3. Mô tả các hạng mục công trình

(Lưu ý các hạng mục được mô tả phải thống nhất về tên, ký hiệu và số thứ tự so với sơ đồ phân khu chức năng. Các hạng mục công trình cần được mô tả riêng biệt với các thông tin về: Chức năng; diện tích/quy mô; thiết kế kiến trúc/cấu trúc; các đặc điểm khác...)

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển thì trình bày lần lượt từng cơ sở hoặc đại lý theo cấu trúc tương tự như trên)

Phụ lục: Sơ đồ phân khu chức năng (hay còn gọi là sơ đồ tổng mặt bằng) trong cơ sở xử lý và đại lý vận chuyển CTNH; các bản vẽ, hình ảnh về cơ sở và đại lý; văn bản uỷ quyền đại lý hoặc hợp đồng đại lý vận chuyển

(Văn bản uỷ quyền đại lý hoặc hợp đồng đại lý vận chuyển gồm các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ, mã số thuế của đại lý vận chuyển và chủ hành nghề QLCTNH (hoặc tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề); hình thức đại lý; số lượng, tên và mã CTNH; cách thức giao nhận; giá, thù lao đại lý; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và tại Thông tư này; quy định rõ về trách nhiệm của các bên; chế độ kiểm tra, giám sát và liên đới chịu trách nhiệm về các vi phạm)

6. Hồ sơ kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đã đầu tư cho việc vận chuyển, xử lý và lưu giữ tạm thời CTNH

Bảng giới thiệu tóm tắt các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đã đầu tư cho việc QLCTNH:

TT	Tên phương tiện, thiết bị chuyên dụng	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
				(thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển nào)

6.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên phương tiện/thiết bị chuyên dụng)

6.1.1. Chức năng (nêu thêm là thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển)

6.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

6.1.3. Thiết kế, cấu tạo, quy trình công nghệ và tính chất các loại CTNH có khả năng quản lý (phân tích về thiết kế, cấu tạo, vật liệu và các đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ để chứng minh khả năng quản lý an toàn chúng)

6.1.4. Thiết bị phụ trợ (thiết bị cảnh báo và xử lý sự cố, thiết bị tự động ngắt, thiết bị thông tin liên lạc, dấu hiệu cảnh báo-phòng ngừa ...)

6.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

7.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

Phụ lục: Các ảnh chụp, bản vẽ, giấy tờ, hợp đồng (bản giao phương tiện không chính chủ) kèm theo các phương tiện, thiết bị chuyên dụng (sắp xếp thành từng bộ đối với mỗi phương tiện, thiết bị)

(Hợp đồng bàn giao phương tiện không chính chủ gồm các nội dung chính sau: Thông tin của hai bên ký kết; số đăng ký và các thông tin khác của phương tiện; các cam kết khác theo quy định của pháp luật và tại Thông tư này; trách nhiệm của đối tượng đăng ký đối với toàn bộ hoạt động và nhân sự của phương tiện vận chuyển liên quan đến quá trình vận chuyển CTNH; quy định rõ về trách nhiệm của các bên; chế độ kiểm tra, giám sát và liên đới chịu trách nhiệm về các vi phạm)

8. Hồ sơ kỹ thuật của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đầu tư

Bảng giới thiệu tóm tắt các công trình và biện pháp:

TT	Tên công trình, biện pháp	Mô tả	Chức năng	Ghi chú
				(thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển nào)

8.1. Hồ sơ kỹ thuật của (tên công trình/biện pháp)

8.1.1. Chức năng (nêu thêm là thuộc cơ sở xử lý hay đại lý vận chuyển)

8.1.2. Công suất, quy mô, kích thước...

8.1.3. Thiết kế, cấu tạo và quy trình công nghệ

8.1.4. Thiết bị phụ trợ (nếu có)

8.1.5. Các vấn đề liên quan khác...

8.2. Hồ sơ kỹ thuật của...

Phụ lục 4: Bản sao hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hoàn công các công trình bảo vệ môi trường; các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận, giám định, văn bản có liên quan (trường hợp CQCP là Tổng cục Môi trường để kết hợp với việc kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện nội dung báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt; nếu dày quá thì có thể đóng quyển riêng); giấy tờ, ảnh chụp có liên quan

9. Hồ sơ nhân lực

9.1. Giới thiệu chung về nhân lực của cơ sở

9.2. Bảng lý lịch trích ngang của các cán bộ, công nhân viên (nêu toàn bộ những người tham gia hoặc có liên quan đến công tác chuyên môn về quản lý CTNH và bảo vệ môi trường)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm	Chức vụ	Nhiệm vụ

Phụ lục 5: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm của những cán bộ, công nhân viên có yêu cầu bắt buộc về trình độ nêu tại Điều 12 Thông tư này

10. Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng

10.1. Quy trình vận hành an toàn của (tên phương tiện/thiết bị chuyên dụng)

10.1.1. Mục tiêu

10.1.2. Phạm vi áp dụng

10.1.3. Nội dung thực hiện

- Chuẩn bị vận hành
- Xác định nguy cơ/rủi ro
- Trang bị bảo hộ lao động
- Dụng cụ, thiết bị cần thiết
- Quy trình, thao tác vận hành chuẩn
- Kết thúc vận hành

10.1.4. Quy trình và tần suất bảo trì

10.2. Quy trình vận hành an toàn của...

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành an toàn của các phương tiện/thiết bị chuyên dụng (phải ghi chú vị trí đặt bản)

11. Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (tại cơ sở xử lý và các đại lý vận chuyển CTNH)

11.1. Chương trình quản lý môi trường

11.1.1. Mục tiêu

11.1.2. Tổ chức nhân sự

11.1.3. Kế hoạch quản lý (kế hoạch thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường theo báo cáo ĐTM hoặc các hồ sơ, giấy tờ tương đương)

11.2. Quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường (trình bày cho từng công trình đã lập hồ sơ kỹ thuật tại Mục 4 theo cấu trúc tương tự như hồ sơ tại Mục 6 Phụ lục này).

11.3. Kế hoạch vệ sinh các phương tiện, thiết bị và công trình

11.4. Kinh phí hàng năm

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) cho quy trình vận hành, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường (phải ghi chú vị trí đặt bản)

12. Chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH

12.1. Chương trình giám sát môi trường

12.1.1. Giám sát môi trường lao động trong các nhà xưởng (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có hoạt động trung chuyển, lưu giữ tạm thời, sơ chế)

12.1.2. Giám sát môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có hoạt động trung chuyển, lưu giữ tạm thời, sơ chế)

12.1.3. Giám sát chất lượng nước mặt, nước ngầm (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có phát sinh và xử lý nước thải)

12.1.4. Giám sát nước thải (đầu vào và đầu ra) (áp dụng thêm đối với đại lý vận chuyển CTNH nếu có phát sinh và xử lý nước thải)

12.1.5. Giám sát khí thải (không áp dụng đối với đại lý vận chuyển CTNH)

12.1.6. Giám sát khác

12.2. Giám sát vận hành xử lý CTNH (ví dụ: Nhiệt độ, lượng ôxi, tốc độ nạp CTNH, tốc độ xử lý...)

12.3. Đánh giá hiệu quả xử lý CTNH (ví dụ: Các thành phần nguy hại, tính chất nguy hại của sản phẩm tái chế, tận thu và chất thải sau xử lý so với QCVN 07:2009/BTNMT và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan)

(Từng hợp phần của chương trình giám sát nêu trên phải trình bày đầy đủ các thông tin sau: Vị trí giám sát; thông số giám sát; tần suất giám sát; quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn so sánh; mô tả quy trình thực hiện)

12.4. Hệ thống quan trắc môi trường tự động (nếu có)

Phụ lục 8: Bảng tóm tắt chương trình giám sát; sơ đồ lấy mẫu...

13. Kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên

13.1. Trang bị bảo hộ cá nhân và các biện pháp bảo vệ sức khỏe người lao động

13.1.1. Trang bị bảo hộ lao động

TT	Trang bị	Xuất xứ	Số lượng	Tính năng/trường hợp, điều kiện sử dụng

13.1.2. Các biện pháp bảo vệ sức khỏe khác

13.2. Các thủ tục, biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình lao động

13.3. Chăm sóc sức khỏe (kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hàng năm; việc tổ chức uống sữa tẩy độc thường xuyên; chính sách về bảo hiểm, y tế, chế độ đối với bệnh nghề nghiệp/tai nạn lao động; kết quả khám sức khỏe định kỳ mới nhất của cán bộ công nhân viên)

13.4. Các vấn đề liên quan khác...

Phụ lục 9: Bản nội quy an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; bản chỉ dẫn sử dụng trang bị bảo hộ lao động (phải ghi chú vị trí đặt bản)

14. Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

(Lưu ý cần phân biệt sự cố ở các khâu khác nhau như trên đường vận chuyển, tại đại lý vận chuyển và cơ sở xử lý CTNH)

14.1. Mục tiêu

14.2. Ưu tiên trong trường hợp xảy ra sự cố (xác định các ưu tiên hàng đầu trong mọi tình huống khẩn cấp, liệt kê theo thứ tự ưu tiên)

14.3. Phân tích các kịch bản sự cố có thể xảy ra

TT	Sự cố	Ở khâu	Nguyên nhân	Tác động có thể

14.4. Biện pháp, quy trình phòng ngừa và chuẩn bị cho việc ứng phó sự cố

14.4.1. Biện pháp, quy trình về quản lý

14.4.2. Biện pháp kỹ thuật và trang thiết bị

TT	Loại trang thiết bị/biện pháp	Số lượng	Đặc điểm, chức năng	Vị trí

14.5. Quy trình ứng phó khẩn cấp

14.5.1. Đối với sự cố cháy, nổ

a) Phạm vi áp dụng

b) Nội dung quy trình các bước ứng phó

c) Thủ tục thông báo và yêu cầu trợ giúp khi có sự cố (nêu rõ địa chỉ, số điện thoại, trình tự thông báo cho các bên liên quan như ban quản lý cơ sở, các cơ quan chức năng về môi trường, công an, phòng cháy chữa cháy, y tế...; nêu rõ phương án, địa điểm cấp cứu người)

14.5.2. Đối với sự cố rò rỉ, đổ tràn

14.5.3. Đối với tai nạn lao động

14.5.4. Đối với tai nạn giao thông

14.5.5. Đối với (các sự cố khác...)

14.6. Tình huống và kế hoạch sơ tán người tại cơ sở và khu vực phụ cận (trong những tình huống nào thì phải sơ tán và tổ chức sơ tán như thế nào)

14.7. Biện pháp xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường sau khi kết thúc sự cố (đối với ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường đất; môi trường không khí; quản lý chất thải phát sinh do sự cố)

14.8. Kinh phí dự phòng và bảo hiểm

Phụ lục: Bản hướng dẫn dạng rút gọn (hoặc dạng sơ đồ) của các quy trình ứng phó sự cố; bản sơ đồ thoát hiểm trong cơ sở (phải ghi chú rõ vị trí đặt bản)

15. Kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm cho cán bộ, công nhân viên

15.1. Mô tả các nội dung đào tạo, tập huấn

15.1.1. Các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý CTNH

15.1.2. Vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng

15.1.3. Kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường (cần đề cập cả nội dung quản lý CTNH như nhận biết, phân loại, lưu giữ, xử lý...)

15.1.4. An toàn lao động và bảo vệ sức khoẻ

15.1.5. Phòng ngừa và ứng phó sự cố

15.1.6. Các nội dung khác...

15.2. Các đối tượng (cán bộ, công nhân viên) cần được đào tạo

15.3. Tổ chức thực hiện

TT	(Nhóm) đối tượng	Nội dung đào tạo	Đơn vị/địa điểm tổ chức đào tạo	Thời gian-Tần suất thực hiện

15.4. Công tác đánh giá sau đào tạo, tập huấn (cách thức, nội dung, tiêu chí đánh giá)

Phụ lục: Tài liệu đào tạo (nếu tự tổ chức; lưu ý phần tài liệu đào tạo là các kế hoạch, quy trình, chương trình đã lập trong bộ hồ sơ đăng ký này thì không cần nêu lại mà chỉ cần ghi chú)

16. Kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động (toàn bộ hoặc một số đại lý vận chuyển CTNH)

16.1. Các kế hoạch (xử lý triệt để lượng CTNH còn tồn đọng; vệ sinh phương tiện, thiết bị và cơ sở; phá dỡ cơ sở hoặc chuyển đổi mục đích; các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình giám sát môi trường sau khi chấm dứt hoạt động, đặc biệt là nếu có bãi chôn lấp...)

16.2. Các thủ tục (thông báo cho các cơ quan chức năng, khách hàng và cộng đồng, nộp lại giấy phép...)

16.3. Kinh phí dự phòng

17. Báo cáo các vấn đề khác trong việc thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM và yêu cầu của Quyết định phê duyệt hoặc các hồ sơ, giấy tờ thay thế tương đương (các nội dung khác nằm ngoài phạm vi hoạt động QLCTNH trong trường hợp báo cáo ĐTM cho dự án có thêm các hoạt động khác với QLCTNH; giải trình các điểm thay đổi so với báo cáo ĐTM)

* Đối với các hồ sơ, giấy tờ nêu từ Mục 1 đến 17: Nếu có bất kỳ cập nhật, sửa đổi, bổ sung so với bộ hồ sơ đăng ký cấp lần đầu Giấy phép thì trình bày các nội dung cập nhật, sửa đổi, bổ sung; còn không có thì chỉ ghi tên hồ sơ, giấy tờ, không cần trình bày lại nội dung và ghi chú dưới tên hồ sơ như sau: *(Không có cập nhật, sửa đổi, bổ sung)*

Các hồ sơ, giấy tờ đặc trưng cho việc đăng ký cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh Giấy phép gồm có:

18. Bản tổng hợp giải trình các nội dung thay đổi, bổ sung (khi đăng ký cấp điều chỉnh hoặc cấp gia hạn Giấy phép)

19. Báo cáo việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã lập trong Bộ hồ sơ đăng ký (trong thời gian 01 năm trước thời điểm đăng ký cấp gia hạn hoặc điều chỉnh; trừ trường hợp đăng ký cấp điều chỉnh trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp lần đầu thì không phải báo cáo)

19.1. Thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường

19.2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý CTNH

19.3. Thực hiện kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe

19.4. Thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố

19.5. Thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm

20. Bản sao tất cả các Biên bản thanh tra, kiểm tra các văn bản kết luận, xử lý vi phạm (nếu có) liên quan của các cơ quan có thẩm quyền (trong thời gian 03 năm trước thời điểm đăng ký cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh)

Lưu ý:

- Khuyến khích in hồ sơ hai mặt cho tiết kiệm;

- Đối với bộ hồ sơ đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn của CQCP khi xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ phải gửi kèm theo một bản giải trình cụ thể các điểm sửa đổi, bổ sung;

(Tất cả các bản sao giấy tờ có dấu trong hồ sơ, kế hoạch và báo cáo lập theo quy định nêu trên không yêu cầu chứng thực theo quy định của pháp luật nhưng phải được tổ chức, cá nhân đóng dấu giáp lai hoặc dấu treo vào từng trang bản sao để tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của bản sao trước khi nộp cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp không có dấu pháp nhân thì khi ký hợp

đồng theo quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT phải có chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật).

* Số lượng hồ sơ: 02 (bộ), được đóng quyển

d. Thời hạn giải quyết:

- Xem xét sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu có (10 ngày);

- Đánh giá sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu tổ chức, cá nhân tiếp tục sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết (05 ngày);

- Thẩm định điều kiện hành nghề và cấp Giấy phép (35 ngày).

* *Lưu ý:* thời hạn giải quyết không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm và thời gian kiểm tra cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

02 (hai) bản gốc Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại kèm theo 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được UBND Thành phố Hà Nội đóng dấu xác nhận.

h. Lệ phí:

Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Đơn đăng ký hành nghề quản lý chất thải nguy hại theo mẫu quy định tại phụ lục 2 A Thông tư 12/2011/TT-BTNMT

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;

- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;

- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại;

- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC 2
MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ, GIẤY PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY
HẠI VÀ CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN
(Kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Mẫu Đơn đăng ký hành nghề QLCTNH

.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
(cấp lần đầu/Cấp gia hạn/Cấp điều chỉnh)

Kính gửi:(2).....

1. Phần khai chung:

1.1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Tài khoản số: tại :

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy đăng ký kinh doanh số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH hiện có (trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép):

Giấy phép QLCTNH có giá trị đến ngày (trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh Giấy phép):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở xử lý CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số: ngày cấp: nơi cấp:

1.3. Đại lý vận chuyên CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày từng đại lý):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số: ngày cấp: nơi cấp:

(Trường hợp điều chỉnh Giấy phép thì ghi rõ là cơ sở xử lý hoặc đại lý vận chuyên CTNH đã được cấp phép hay đăng ký bổ sung)

2. Địa bàn hoạt động đăng ký:

Vùng	Tỉnh
Ghi tên vùng theo bảng 2 Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này	Ghi tên từng tỉnh hoặc ghi "toàn bộ vùng" (lưu ý không ghi cấp địa bàn nhỏ hơn tỉnh)

(Phân biệt rõ danh sách đôi với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung địa bàn hoạt động thì phân biệt rõ địa bàn hoạt động đã được cấp phép và địa bàn hoạt động đăng ký thay đổi, bổ sung)

3. Danh sách phương tiện, thiết bị chuyên dụng đăng ký:

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng (đơn vị đếm)	Loại hình
			(ví dụ: đóng gói, bảo quản, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tận thu, đồng xử lý, cô lập, chôn lấp...)

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị chuyên dụng thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

4. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý (tương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

(Phân biệt rõ danh sách đối với từng cơ sở và đại lý nếu không giống nhau; trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các phương tiện, thiết bị chuyên dụng thì phân biệt rõ danh sách đã được cấp phép và danh sách đăng ký thay đổi, bổ sung)

4a. Danh sách CTNH đăng ký vận chuyển để tái sử dụng trực tiếp (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
	Tổng số lượng			

(Trường hợp đăng ký điều chỉnh Giấy phép liên quan đến thay đổi, bổ sung các CTNH thì phân biệt rõ danh sách CTNH đã được cấp phép và danh sách CTNH đăng ký thay đổi, bổ sung)

5. Mục lục Bộ hồ sơ đăng ký:

-
-
-

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Cơ quan xem xét hồ sơ và cấp (hoặc cấp gia hạn hoặc cấp điều chỉnh) Giấy phép, đồng thời kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện các nội dung của Báo cáo và yêu cầu của Quyết định số ... ngày ... / ... / của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án ... (trường hợp Tổng cục Môi trường là CQCP).

.....(3).....
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề;
- (2) CQCP tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;
- (3) Người có thẩm quyền ký của tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề.

5. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính - Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội.

- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội.

c. Hồ sơ:

1. Một (01) văn bản của chủ dự án đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.3 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT.

2. Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Hình thức trang bìa, trang phụ bìa và yêu cầu về cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo mẫu quy định tại các Phụ lục 2.4 và 2.5 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT.

3. Một (01) bản dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi (có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư).

* Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định tối đa là ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với những dự án phức tạp về tác động môi trường, thời hạn thẩm định là bốn mươi lăm (45) ngày làm việc.

Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường theo kết luận của Hội đồng thẩm định tại phiên họp chính thức.

Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tối đa là mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố Hà Nội.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Một (01) Quyết định của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

h. Phí, lệ phí:

Phí: 5.000.000 đồng; Lệ phí: 300.000 đồng.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.3 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không có.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ.
- Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký : Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Xác nhận vào trang phụ bì báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết.



Phụ lục 2.3

Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(1)

Số: ...

V/v thẩm định báo cáo ĐTM
của Dự án (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án (2), thuộc mục số... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số... Phụ lục III) Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện Dự án:...
- Địa chỉ liên hệ:...
- Điện thoại:...; Fax:...; E-mail: ...

Xin gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương);
 - Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án bằng tiếng Việt.
- Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá môi trường của Dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng
dấu)

Ghi chú:

- (1) Chủ dự án;
- (2) Tên đầy đủ của Dự án;
- (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;
- (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án

6. Thủ tục Kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính – Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính – Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

c. Hồ sơ:

- Một (01) văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.2 kèm theo Thông tư 26/2011/TT-BTNMT;

- Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;

- Năm (05) báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.3 kèm theo Thông tư 26/2011/TT-BTNMT. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, chủ dự án phải gửi thêm số lượng báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm để phục vụ công tác kiểm tra;

- Phụ lục kèm theo với số lượng bằng số lượng báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (như quy định trên). Phụ lục bao gồm: bản vẽ hoàn công và kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa; các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu; biên bản nghiệm thu và các văn bản khác có liên quan đến công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

* Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 20 ngày làm việc.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Một (01) Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

h. Phí, lệ phí:

Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.2 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT;

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.3 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không có.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ.

- Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký : Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Xác nhận vào trang phụ bì báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

PHỤ LỤC 4.1

MẪU VĂN BẢN THÔNG BÁO KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: ... (3) ...

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

của Dự án (2)

1. Địa điểm thực hiện Dự án: ...

2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: số..... ngày... tháng... năm... của...

3. Tên doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: ...

- Địa chỉ liên hệ: ...

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

4. Tên cơ quan được thuê thực hiện đo đạc, phân tích về môi trường: (trường hợp có thuê) ...

- Địa chỉ liên hệ: ...

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

5. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm (*):

(Đưa ra danh mục các công trình xử lý chất thải của dự án phải hoàn thành trước khi dự án đi vào vận hành chính thức kèm theo thời gian biểu dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm).

6. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích về môi trường:

- Thiết bị đo đạc, lấy mẫu và phân tích: ...

- Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích: ...

- Vị trí các điểm đo đạc, lấy mẫu (sơ đồ kèm theo phải chỉ rõ các vị trí này với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành): ...

- Số lần đo đạc, lấy mẫu và phân tích: ...

- Thông số đo đạc, lấy mẫu và phân tích: ...

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án; (2) Tên đầy đủ của dự án; (3) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Thủ trưởng doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án.

(*) Việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải kéo dài không quá ba (03) tháng, kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

PHỤ LỤC 4.2

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH CỦA DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v đề nghị xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án)

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là: (1), Chủ dự án của Dự án (3) (sau đây gọi tắt là Dự án), đã được (4) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...

- Địa chỉ liên hệ: ...

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án), gồm có:

1...

2...

...

Theo quy định của Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, xin gửi đến quý (2) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được (4) phê duyệt;

- Năm (05) bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (trường hợp dự án nằm trên diện tích đất của từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, phải gửi thêm số lượng báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm, hoặc số lượng tăng thêm theo yêu cầu của (2) để phục vụ công tác kiểm tra);

- Phụ lục (với số lượng bằng với số lượng bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án) kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

+ Hồ sơ bản vẽ hoàn công các công trình xử lý và bảo vệ môi trường (trường hợp chưa có bản vẽ hoàn công, có thể cung cấp hồ sơ thiết kế kỹ thuật. Trường hợp chỉ có hồ sơ thiết kế kỹ thuật, cần nêu rõ đã thực hiện đúng như hồ sơ thiết kế kỹ thuật hay không. Nếu có sai khác cần chỉ rõ);

+ Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);

+ Các phiếu lấy mẫu và kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;

- + Biên bản nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;
- + Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường với đơn vị có chức năng (đối với trường hợp dự án có phát sinh chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành và không có công trình xử lý chất thải rắn thông thường).
- + Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng, kèm theo văn bản chứng minh chức năng của đơn vị đó (đối với trường hợp Dự án có phát sinh chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành và không có công trình xử lý chất thải nguy hại);
- + Hợp đồng hoặc biên bản thỏa thuận về việc đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải (đối với trường hợp Dự án nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và có phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành);
- + Quyết định phê duyệt kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu; văn bản chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy cấp cho Dự án (đối với trường hợp Dự án thuộc đối tượng phải có các loại văn bản này theo quy định của pháp luật).

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu được đưa ra trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị quý (2) kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phần kỳ đầu tư của Dự án)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

(5)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên chủ dự án;
- (2) Tên cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận;
- (3) Tên đầy đủ của Dự án;
- (4) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;
- (5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Handwritten mark

PHỤ LỤC 4.3

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH CỦA DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (3)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

của Dự án (2) (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án (2))

1. Địa điểm thực hiện Dự án:

2. Tên doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án:

- Địa chỉ liên hệ: ...

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án) đã được thực hiện

3.1. Các công trình, biện pháp xử lý nước thải

3.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải, thoát nước (cần mô tả rõ các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước; vị trí của các công trình này kèm theo sơ đồ minh họa và thiết kế kỹ thuật)

3.1.2. Các công trình xử lý nước thải đã được xây lắp: (cần mô tả rõ quy trình công nghệ, quy mô công suất, các thông số kỹ thuật của công trình, các thiết bị đã được xây lắp)

3.1.3. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của cơ quan, đơn vị thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu phân tích về môi trường: thời gian, phương pháp, khối lượng mẫu giả định được tạo lập (nếu có); thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng)

Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải được trình bày theo mẫu bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích (**); Tiêu chuẩn, Quy chuẩn đối chiếu.	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm đặc trưng(*) của Dự án					
		Thông số A (Đơn vị tính)		Thông số B (Đơn vị tính)		v.v...	
		Trước khi xử lý	Sau khi xử lý	Trước khi xử lý	Sau khi xử lý	Trước khi xử lý	Sau khi xử lý
Lần 1							
Lần 2							
Lần 3							
TCVN/QCVN.....							

Ghi chú: (*) Thông số ô nhiễm đặc trưng của Dự án là những thông số ô nhiễm do dự án trực tiếp hoặc gián tiếp tạo ra; (**) Số lần đo đạc, lấy mẫu tối thiểu là 03 (ba) lần vào những khoảng thời gian khác nhau trong điều kiện hoạt động bình thường để bảo đảm xem xét, đánh giá về tính đại diện và độ ổn định của chất thải.

3.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: (cần liệt kê đầy đủ các công trình; biện pháp xử lý bụi, khí thải đã được xây lắp; nguồn gốc và hiệu quả xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải chính)

đã được lắp đặt; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải và thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải).

3.3. Các công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn: (dựa theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn thông thường, làm rõ các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình vận hành dự án; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý).

3.4. Các công trình, biện pháp xử lý chất thải nguy hại: (dựa theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, làm rõ các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải nguy hại trong trường hợp chủ dự án tự xử lý).

3.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: (nếu có)

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi)

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1.
2...

(Thuyết minh về những nội dung thay đổi, điều chỉnh của Dự án so với phương án đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt).

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chủ dự án; (2) Tên đầy đủ của Dự án; (3) Cơ quan kiểm tra, xác nhận; (4) Thủ trưởng doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án.

7. Thủ tục Xác nhận Gia hạn Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn.
- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

- Chuyển qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

c. Hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy phép quản lý chất thải nguy hại đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT (Bản chính)
2. Báo cáo việc thực hiện các chương trình, kế hoạch trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép QLCTNH trong thời gian 01 (một) năm đến thời điểm có văn bản đề nghị xác nhận gia hạn.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d. Thời hạn giải quyết:

- Xem xét, xác nhận vào phần Xác nhận gia hạn Giấy phép của bản gốc Giấy phép QLCTNH (20 ngày);
- Trường hợp chủ vận chuyển, xử lý CTNH không hoàn thành trách nhiệm theo quy định, Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội thông báo cho chủ vận chuyển, xử lý CTNH để thực hiện. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ vận chuyển, chủ xử lý CTNH về việc thực hiện yêu cầu của Thông báo của Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét, xác nhận gia hạn Giấy phép QLCTNH

* *Lưu ý:* thời hạn giải quyết không tính thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm và thời gian kiểm tra cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp phép.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Xác nhận gia hạn Giấy phép của bản gốc Giấy phép QLCTNH đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.

h. Lệ phí:

Không có

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Không

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;
- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại;
- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Phần IV. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường

Lĩnh vực: môi trường

Thủ tục đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân các Quận, huyện, thị xã (hoặc Ủy ban nhân dân xã nếu được ủy quyền)

- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (hoặc Ủy ban nhân dân xã nếu được ủy quyền)

c. Hồ sơ:

1. Hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với các đối tượng dự án đầu tư có tính chất, quy mô, công suất không thuộc danh mục hoặc dưới mức quy định của danh mục tại Phụ lục II Nghị định số 29/2011/NĐ-CP gồm:

- Ba (03) bản cam kết bảo vệ môi trường với hình thức trang bìa, trang phụ bìa, yêu cầu về cấu trúc và nội dung thực hiện theo mẫu quy định tại các Phụ lục 5.1 và 5.2 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT

- Một (01) dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi) có chữ ký (ghi rõ họ tên, chức danh) của người đại diện có thẩm quyền và đóng dấu (nếu có) của chủ dự án.

2. Hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường quy định đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập dự án đầu tư nhưng có phát sinh chất thải sản xuất gồm:

- Ba (03) bản cam kết bảo vệ môi trường với yêu cầu về hình thức và nội dung thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.3 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT;

- Một (01) bản thuyết minh về phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được chứng thực bởi chữ ký của người đại diện có thẩm quyền và đóng dấu (nếu có) của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3. Đối với các Dự án, phương án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được đăng ký, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc phê duyệt, xác nhận đề án bảo vệ môi trường nhưng chưa tới mức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT. Ngoài các văn bản quy định tại (mục 1 hoặc mục 2 nêu trên), hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường phải

kèm theo một (01) bản sao văn bản chứng minh bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang vận hành.

4. Đối với các Dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã được đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường nhưng chưa đi vào vận hành phải lập và đăng ký lại bản cam kết bảo vệ môi trường, ngoài các văn bản quy định tại (mục 1 hoặc hoặc 2 nêu trên), hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường phải kèm theo một (01) bản sao văn bản chứng minh bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh trước đó.

* Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân các Quận, huyện, thị xã (hoặc Ủy ban nhân dân xã nếu được ủy quyền) có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án, chủ cơ sở biết về việc chấp nhận hồ sơ hoặc không chấp nhận hồ sơ bản cam kết bảo vệ môi trường. Trường hợp không chấp nhận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND các Quận, huyện, thị xã
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường các Quận, huyện, thị xã.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Một (01) Thông báo về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

h. Phí, lệ phí:

Không có

i. Mẫu bản cam kết:

Theo phụ lục 5.1, 5.2 và 5.3 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không có.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 5.1

MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(Tên cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án)

(Tên doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án)

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án (1)

CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN (*)
(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN
LẬP BẢN CAM KẾT (*)

(nếu có)

(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng... năm 20...

Ghi chú:

(1) Tên Dự án;

(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bì

PHỤ LỤC 5.2

CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa danh nơi thực hiện dự án), ngày... tháng... năm...

Kính gửi : (1)

Chúng tôi là: (2)

Địa chỉ:

Xin gửi đến quý (1) bản cam kết bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

1.1. Tên dự án đầu tư: nêu đúng tên gọi của dự án như trong dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).

1.2. Tên doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ của doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: ...

1.4. Người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

1.6. Địa điểm thực hiện dự án

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông ...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử...), hiện trạng sử dụng đất trên diện tích đất của dự án và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

1.7. Quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Nêu tóm lược về quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

1.8. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp.

- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

Yêu cầu:

- Đối với dự án, phương án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Thông tư này, nội dung của phần I Phụ lục này cần phải bổ sung: thông tin về cơ sở đang hoạt động, đặc biệt là các thông tin liên quan các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc loại bỏ hoặc thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

- Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 45 Thông tư này, trong nội dung của phần I Phụ lục này, cần làm rõ hiện trạng thi công các hạng mục công trình của dự án, thể hiện rõ các thông tin về những thay đổi liên quan đến địa điểm, quy mô, công suất.

II. Các tác động môi trường

2.1. Các loại chất thải phát sinh

2.1.1. Khí thải: ...

2.1.2. Nước thải: ...

2.1.3. Chất thải rắn: ...

2.1.4. Chất thải khác: ...

Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải và hàm lượng/nồng độ của từng thành phần.

2.2. Các tác động khác

Nêu tóm tắt các tác động (nếu có) do: sự xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phen; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

III. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

3.1. Xử lý chất thải

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp xử lý tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có những kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

3.2. Giảm thiểu các tác động khác

Mỗi loại tác động phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

Yêu cầu:

- Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Thông tư này, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó.

- Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 45 Thông tư này, trong nội dung của phần III Phụ lục này, cần nêu rõ các thay đổi về biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

IV. Các công trình xử lý môi trường, chương trình giám sát môi trường

4.1. Các công trình xử lý môi trường

- Liệt kê đầy đủ các công trình xử lý môi trường đối với các chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải khác trong khuôn khổ của dự án; kèm theo tiến độ thi công cụ thể cho từng công trình;

- Các công trình xử lý môi trường phải được làm rõ về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết.

4.2. Chương trình giám sát môi trường

Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho chất thải của dự án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

Yêu cầu: Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Thông tư này, nội dung của mục 4.1 Phụ lục này cần phải nêu rõ hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án cải tạo, nâng cấp, nâng công suất.

V. Cam kết thực hiện

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện việc đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; (2) Tên tổ chức, cá nhân chủ dự án.

PHỤ LỤC 5.3

CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa điểm), ngàytháng năm 20.....

Kính gửi : (1)

Chúng tôi là: (2)

Địa chỉ:

Xin gửi đến quý (1) bản cam kết bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. Cam kết của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1.1. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản dưới luật và các quy định riêng (nếu có) tại địa phương. Trong quá trình thực hiện, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

1.2. Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường được nêu dưới đây và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

1.3. Chúng tôi xin đảm bảo độ chính xác của các thông tin và nội dung điền trong bản cam kết bảo vệ môi trường này.

II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

2.1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

2.2. Địa điểm dự kiến triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; sản phẩm và số lượng

2.4. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m²):

2.5. Nguyên liệu, phụ liệu, phụ gia, hóa chất, dung môi, chất bảo quản, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và các nguyên vật liệu khác sẽ được sử dụng trong quá trình sản xuất; nhu cầu sử dụng từng loại:

2.6. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu: dầu, than, củi, gas (tấn/năm); điện (kW/ tháng):

Phần C. Các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công xây dựng

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Cam kết	
	Có	Không		Có	Không
Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công			Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định		
			Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm		
			Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị		
			Biện pháp khác		
Bụi			Xây dựng tường ngăn, phun nước để giảm bụi tại công trường thi công		
			Biện pháp khác		
Tiếng ồn			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Xây tường chống ồn xung quanh khu vực gây ồn		
			Biện pháp khác		
Nước thải sinh hoạt			Có biện pháp thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường		
			Có biện pháp thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định		
			Biện pháp khác		
Nước mưa chảy tràn			Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường		
			Thu gom và tái sử dụng		
Chất thải rắn xây dựng			Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
			Đổ thải đúng tại các địa điểm quy định của địa phương		
Chất thải rắn sinh hoạt			Thu gom, hợp đồng với cơ quan có chức năng để xử lý		
			Đốt		
			Biện pháp khác		
Các yếu tố gây mất an toàn lao			Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động		

động			Biện pháp khác		
Các yếu tố gây ảnh hưởng, gián đoạn tới hoạt động sản xuất và xã hội			Lên kế hoạch cho từng hoạt động, báo cáo với cộng đồng địa phương để được hỗ trợ về thông tin công cộng trong trường hợp gây ra ảnh hưởng		
			Biện pháp khác		

Phần D. Các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn hoạt động

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Cam kết	
	Có	Không		Có	Không
Khí thải			Lắp đặt ống khói với chiều cao cho phép		
			Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống		
			Tiết kiệm nhiên liệu sử dụng		
			Biện pháp khác		
Bụi			Xây dựng tường ngăn, phun nước để giảm bụi		
			Lắp đặt hệ thống hút bụi		
			Biện pháp khác		
Mùi			Lắp đặt quạt thông gió		
			Biện pháp khác		
Tiếng ồn			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Xây tường ngăn cách âm để giảm tiếng ồn		
			Biện pháp khác		
Nhiệt độ cao xung quanh khu vực sản xuất			Lắp đặt quạt thông gió		
			Biện pháp khác		
Nước thải sinh hoạt			Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung		
			Xử lý đáp ứng QCVN trước khi thải ra môi trường		
			Biện pháp khác		
Nước thải từ hệ thống làm mát			Thu gom và tái sử dụng		
			Biện pháp khác		
Nước thải từ quá trình sản xuất			Thu gom nước thải (bể, ao, hồ, kênh...)		
			Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất		
			Xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn nước		
			Biện pháp khác		
Chất thải rắn			Thu gom chất thải rắn (khu chứa rác)		
Chất thải rắn vô cơ			Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		

		Hợp đồng với cơ quan chức năng để thu gom		
		Đốt		
		Biện pháp khác		
Chất thải rắn hữu cơ		Làm phân compost, biogas, tái sử dụng		
		Hợp đồng với cơ quan có chức năng để thu gom		
		Biện pháp khác		
Các yếu tố gây mất an toàn lao động		Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động		
		Biện pháp khác		
Các yếu tố gây ảnh hưởng, gián đoạn tới hoạt động sản xuất và xã hội		Lên kế hoạch cho từng hoạt động sản xuất, báo cáo với cộng đồng địa phương để được hỗ trợ về thông tin công cộng trong trường hợp gây ra ảnh hưởng		
		Biện pháp khác		
Các yếu tố gây phiền toái và nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng		Bố trí khu vực sản xuất cách khu vực đông dân cư xa nhất có thể		
		Biện pháp khác		
Các yếu tố gây nguy cơ cháy, nổ		Trang bị, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy		

CHỦ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã được ủy quyền tổ chức thực hiện việc đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; (2) Tên tổ chức, cá nhân chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Handwritten mark

Phần V. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường, thị trấn trong lĩnh vực môi trường

Lĩnh vực: môi trường

Thủ tục Tham vấn ý kiến cộng đồng trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo đúng quy định và nhận giấy hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính – UBND các xã, phường, thị trấn
- Cơ quan hành chính: Tiếp nhận hồ sơ theo quy định, ghi phiếu hẹn và trả kết quả.

b. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính – Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

c. Hồ sơ:

1. Một (01) văn bản xin ý kiến tham vấn theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.1 kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT.
2. Tài liệu tóm tắt về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường của dự án theo đúng quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT

** Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.*

d. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham vấn, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời chủ dự án bằng văn bản và công bố công khai để nhân dân biết. Quá thời hạn này, nếu cơ quan được tham vấn không có ý kiến bằng văn bản gửi chủ dự án thì được xem là cơ quan được tham vấn đã nhất trí với kế hoạch đầu tư của chủ dự án.

- Trong trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập đại diện của tổ chức, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án, thông tin cho chủ dự án biết về thời gian, địa điểm, thành phần tham gia buổi đối thoại, cùng chủ dự án chủ trì tổ chức buổi đối thoại trong thời hạn chậm nhất là mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản xin ý kiến tham vấn của chủ dự án.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND các xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND các xã, phường, thị trấn.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Một (01) văn bản trả lời ý kiến tham vấn của UBND các xã, phường, thị trấn và một (01) văn bản trả lời của đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức chịu tác động trực tiếp của dự án. (theo mẫu tại Phụ lục 2.2 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT)

h. Phí, lệ phí:

Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Theo phụ lục 2.1 Thông tư 26/2011/TT-BTNMT.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không có.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 26 /2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 2.1

MẪU VĂN BẢN CỦA CHỦ DỰ ÁN GỬI XIN Ý KIẾN THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Số: ...

V/v xin ý kiến tham vấn
trong quá trình lập báo cáo
đánh giá tác động môi
trường của Dự án (2)
Kính gửi: (3)

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), (1) đang tổ chức triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (2).

(1) xin gửi đến (3) tài liệu tóm tắt về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường của Dự án và rất mong nhận được ý kiến tham vấn của (3).

Nơi nhận: (4)

- Như trên;

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu...

TÀI LIỆU TÓM TẮT

Về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường của Dự án (2)

(Kèm theo Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (1))

I. Thông tin chung

1.1. Địa chỉ liên hệ của doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án

1.2. Phương tiện liên lạc với doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án

Số điện thoại, số Fax, E-mail ...

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án

Chỉ rõ vị trí địa lý (tọa độ, ranh giới) của địa điểm thực hiện Dự án kèm theo sơ đồ, bản đồ (nếu có) minh họa, chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông ...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản

xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử ...) và các đối tượng khác xung quanh khu vực Dự án.

II. Quy mô sản xuất, kinh doanh

Nêu tóm lược về quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất.

III. Các tác động môi trường

3.1. Các tác động đến đời sống cộng đồng

nêu tóm tắt số hộ dân bị mất đất, mất nhà; tác động của dự án đến các hoạt động kinh tế, dân sinh; tác động đến các công trình văn hóa, lịch sử.

3.2. Các loại chất thải phát sinh

Đối với mỗi loại chất thải phải nêu rõ nguồn phát sinh, tổng lượng thải, thành phần và tính chất đặc trưng.

3.3. Các tác động khác

Nêu tóm tắt các tác động của Dự án đến các hệ sinh thái, đa dạng sinh học; dự báo các các vấn đề môi trường có thể gây ra bởi Dự án như xói mòn, xói lở, trượt, sụt, lún đất; bồi lắng dòng chảy; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; biến đổi vi khí hậu; suy thoái các thành phần môi trường và các yếu tố khác.

IV. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

Nêu tóm tắt các biện pháp giảm thiểu các tác động bất lợi của Dự án đến đời sống cộng đồng; chỉ rõ công nghệ, thiết bị và công trình xử lý chất thải kèm theo sơ đồ (bản vẽ) tổng mặt bằng của Dự án với các hạng mục công trình chính, các công trình xử lý và quản lý chất thải, các công trình, biện pháp để giảm thiểu tác động xấu đến các hệ sinh thái, đa dạng sinh học và các vấn đề môi trường có thể gây ra bởi dự án như xói mòn, xói lở, trượt, sụt, lún đất; bồi lắng dòng chảy; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; biến đổi vi khí hậu; suy thoái các thành phần môi trường.

V. Cam kết thực hiện

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động đến môi trường; các công trình, biện pháp xử lý chất thải và giảm thiểu các tác động tiêu cực khác do Dự án gây ra; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Ghi chú:

- (1) Tên doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án;
- (2) Tên đầy đủ của Dự án;
- (3) Cơ quan, tổ chức được xin ý kiến tham vấn.
- (4) Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp, cơ quan chủ dự án

PHỤ LỤC 2.2

MẪU VĂN BẢN TRẢ LỜI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐƯỢC XIN Ý KIẾN THAM VẤN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Số: ...

V/v ý kiến tham vấn về Dự án

(2)

Kính gửi: (3)

(1) nhận được Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (3) kèm theo tài liệu tóm tắt về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường của Dự án (2). Sau khi xem xét tài liệu này, (1) có ý kiến như sau:

1. Về những tác động xấu của Dự án đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội: *nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý với các nội dung tương ứng được trình bày trong tài liệu gửi kèm; trường hợp không đồng ý thì chỉ rõ các nội dung, vấn đề cụ thể không đồng ý.*

2. Về các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của Dự án: *nêu rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý với các nội dung tương ứng được trình bày trong tài liệu gửi kèm; trường hợp không đồng ý thì chỉ rõ các nội dung, vấn đề cụ thể không đồng ý.*

3. Kiến nghị đối với chủ dự án: *nêu cụ thể các yêu cầu, kiến nghị của cộng đồng đối với chủ dự án liên quan đến việc cam kết thực hiện các biện pháp, giải pháp giảm thiểu các tác động xấu về môi trường của Dự án và các kiến nghị khác có liên quan đến Dự án (nếu có).*

Trên đây là ý kiến của (1) gửi (3) để xem xét và hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.

Nơi nhận: (4)

- Như trên;

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu ...

Ghi chú:

(1) Cơ quan, tổ chức được xin ý kiến tham vấn;

(2) Tên đầy đủ của Dự án;

(3) Tên cơ quan chủ dự án;

(4) Người đại diện có thẩm quyền của (1).

Handwritten mark